

VÕ BỊ HÀNH KHÚC

LÊ NHƯ HÙNG (CỤU SVSQ K14)



Ta Đoàn Sinh Viên Võ Bị Việt



Nam Đồng hát khúc ca quân hành, Đoàn Sinh



Viên ta xiết chặt dây thân ái. Gieo khắp đây những



mầm sống vui. Đồng thanh ca ta vui hát lên, dù gian



nan qua bao khó khăn, Đoàn Sinh Viên ta vui bước lên. Đi lên, đi lên, đi.



Ta Đoàn Sinh Viên hợp đoàn vui sống. Gieo khắp đó



đây khúc ca thanh bình Một...



Hai... Ba... Bốn... Một... Hai... Ba... Bốn...



Một Hai Ba Bốn Một Hai Ba Bốn, ...bình.

Lần đầu tiên tôi có được vinh hạnh gặp cựu Trung Tá Lê Như Hùng, tác giả của bản nhạc quân hành “Võ Bị Hành Khúc” là vào khoảng năm 1992, vào ngày họp mặt của Khoá 14 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Thân phụ của tôi và bác Lê Như Hùng cùng thụ huấn và ra trường cùng khoá. Đó là khoảng thời gian gia đình tôi và gia đình của bác được định cư tại Hoa Kỳ theo diện H.O. Vào thời gian này, năm nào cha tôi cũng cho tôi đi tham dự những buổi họp mặt của khoá; vì thế, tôi có cơ hội để biết thêm về lịch sử của ngôi trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, những vị anh hùng hào kiệt của trường, thời gian huấn luyện của những cựu Sinh Viên

Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (SVSQ/TVBQGVN),... Nhưng, điều đặc biệt mà tôi luôn khắc ghi trong thâm tâm là bài “Võ Bị Hành Khúc”. Và càng ngạc nhiên và hãnh diện hơn nữa là tác giả của ca khúc để đời này lại là do bác Lê Như Hùng, người cùng Khoá Nhân Vị (Khoá 14) với thân phụ của tôi! Thật hãnh diện vô cùng...

Trải qua gần 20 năm, tôi chưa có dịp gặp lại bác vì bận rộn với học hành, gia đình và công việc... Cơ duyên được gặp lại bác hôm nay thật là tình cờ. Tôi đang ngồi nói chuyện với ba mẹ bỗng nhiên ba hỏi,

- Con có muốn đi thăm bác Lê Như Hùng với ba mẹ không? Bác nhắc con hoài!

Tôi đồng ý liền! Thế là tôi chở ba mẹ tôi đến thăm bác! Vừa gặp bác, tôi không khỏi chạnh lòng, bác đã quá già yếu so với gần 20 năm trước. Tuy vậy, bác vẫn rất minh mẫn, chuyện gì ngày xưa bác cũng nhớ! Được dịp, tôi liền hỏi bác một câu hỏi mà tôi đã ấp ủ cả mấy chục năm nay!

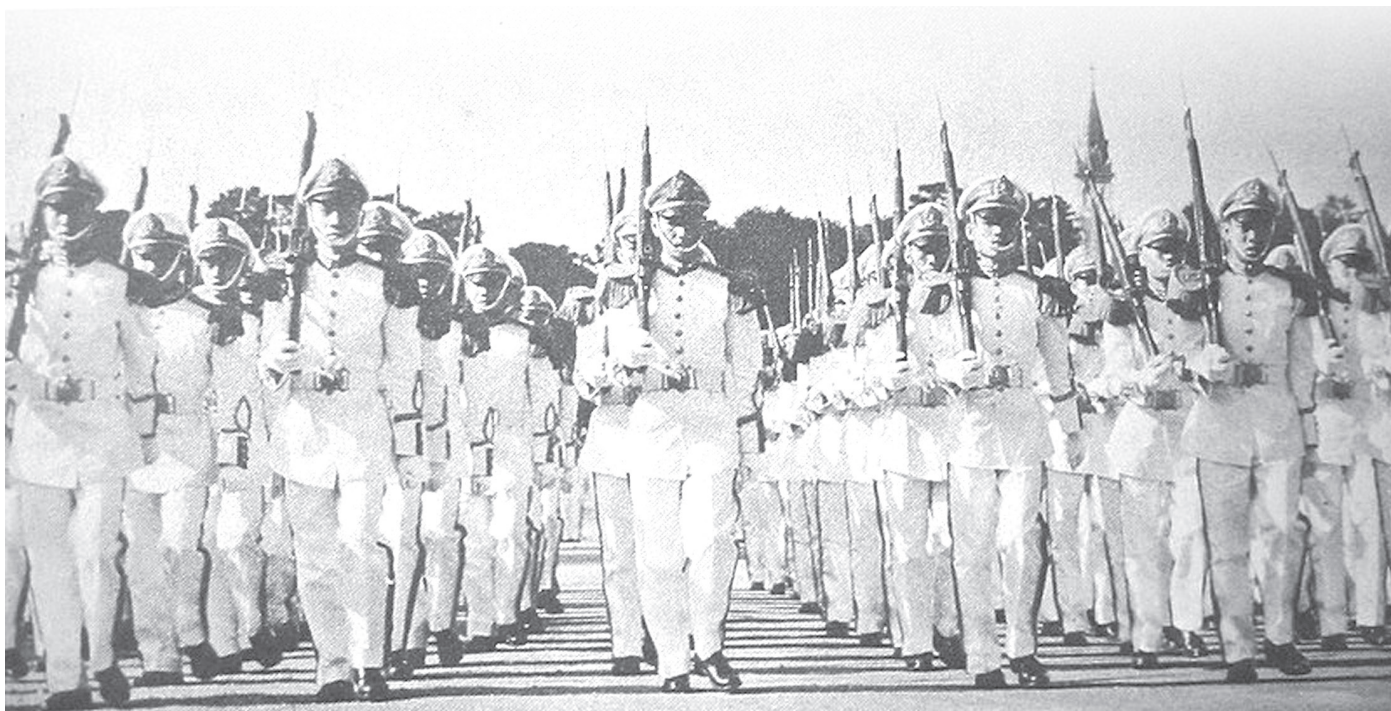
- Hoàn cảnh nào, cảm hứng nào và vào thời gian nào mà bác đã sáng tác bản “Võ Bị Hành Khúc”? Và bài “Võ Bị Hành Khúc” được duyệt xét, chấp thuận như thế nào từ Bộ Chỉ Huy Trường Võ Bị Đà Lạt?

Với vóc người nhỏ nhắn, chất chứa niềm hãnh diện, bác từ từ chia sẻ:

- Suốt tám tuần lễ sơ khởi, kể từ khi bước chân vào Trường Mẹ, hàng ngày trong

VÕ BỊ HÀNH KHÚC

CAO XUÂN THANH NGỌC (CHRISTINA CAO)





thao dượt, các bác được hát rất nhiều bản quân hành như "Xuất Quân", "Quyết Tiến", "Lục Quân Việt Nam", "Không Quân Việt Nam",... TỰ nhiên, bác bản khoản suy nghĩ là tại sao không có một khúc quân hành chỉ riêng cho Trường Võ Bị Đà Lạt? Những ý nghĩ này cứ ám ảnh, đeo đuổi bác mãi. Chờ cho đến khi chinh phục đỉnh Lâm Viên xong, chờ cho được gắn Alpha xong, chờ cho được lột xác từ Tân Khoá Sinh thành SVSQ ... bác lò dò lên thư viện tại Phòng Chiến Tranh Tâm Lý của trường để tìm hiểu, tra cứu xem đã có niên trưởng nào viết bản nhạc về Trường Mẹ chưa? Qua các tập san Võ Bị Đà Lạt được lưu trữ, bác thấy có đôi bản nhạc được viết cho Võ Bị. Bác nhắm hát, nhưng cảm thấy là chưa có bản nhạc nào "đạt" tới đúng ý nêu cao khí thế Võ Bị. Thảo nào mà Trường Mẹ vẫn chưa có một khúc quân hành truyền thống!...

Từ đó mà bác nghiền ngẫm, suy nghĩ, những ý nhạc, quyết tâm viết nên một Hành Khúc Võ Bị Đà Lạt. Sự nghiền ngẫm này hình như đã nhập tâm. Vào một đêm năm 1957, bác nằm mơ thấy rõ mình đang ngồi xem một dàn quân nhạc đang diễn hành, tấu lên một khúc quân hành rất hùng tráng, diễn rất nhịp bước của Sinh Viên Sĩ Quan (SVSQ) Đà Lạt. Bác vội vàng vùng dậy, vội vàng ghi lại ý nhạc.

Hôm sau, nhắm lại ý nhạc thì thấy rất thích, rất vừa ý, nên bác nghĩ đến phần viết lời. Một hôm, ở sân bắn sau Đồi 1515,

trong khi chờ tới lượt ra thêm bắn, bác bắt gặp ngay được cảm hứng và chỉ trong mười lăm phút là viết xong lời ca cho ca khúc "Võ Bị Hành Khúc"!

Bản nhạc này dĩ nhiên được chuyển gửi đến các SVSQ cán bộ trong hệ thống Tự Chỉ Huy, rồi đến Sĩ Quan Cán Bộ, qua Phòng Tâm Lý chiến của trường. Không lâu sau đó, chính vị Chỉ Huy Trưởng lúc bấy giờ là Thiếu Tướng Lê Văn Kim đã công bố chấp nhận bài "Võ Bị Hành Khúc" của bác là bài ca chính thức của SVSQ/TVBQGVN!

Bác cũng chia sẻ thêm là:

- Từ lúc Khoá 14, khai giảng ngày 7 tháng 2 năm 1957 đến lúc bác sáng tác bài hát chỉ sau tám tuần, trường Võ Bị lúc bấy giờ còn mang tên Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Do đó, tên nguyên thủy của bài hát là "Võ Bị Liên Quân Hành Khúc", và câu thứ nhất của bài hát là, "*Ta đoàn sinh viên Võ Bị Liên Quân...*" Cho đến lúc cơ sở mới của trường đã được xây cất xong, tọa lạc trên Đồi 1515, và được chính thức mang trên là Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam thì bản nhạc nói trên được đổi thành là "Võ Bị Hành Khúc", và lời ca đầu của bài hát cũng được sửa lại thành "*Ta đoàn sinh viên Võ Bị Việt Nam...*" chứ không còn là "*Ta đoàn sinh viên Võ Bị Liên Quân...*" nữa.

Sau khi bản nhạc này được Bộ Chỉ Huy trường chấp thuận và trở thành bài ca truyền thống chính thức của SVSQ/TVBQGVN, bản nhạc cũng đã

được dùng để làm nhạc hiệu mở đầu cho chương trình phát thanh của trường Võ Bị Đà Lạt vào mỗi tối thứ Tư hàng tuần, dài 30 phút, trên làn sóng của Đài Phát Thanh Đà Lạt. Bản "Võ Bị Hành Khúc", qua chương trình phát thanh vừa nói, mau chóng trở thành phổ thông, quen thuộc với thính giả, được phổ biến đến khắp nơi. Mặt khác, chương trình phát thanh "Võ Bị Quốc Gia" từ đó đã là một trong những phương tiện quảng bá rất hữu hiệu, đem hình ảnh Trường Võ Bị Đà Lạt với những đổi thay nhanh chóng, từ trường ốc, cơ sở, cho đến chương trình đào tạo, huấn luyện, đến với mọi tầng lớp dân chúng, nhất là với thanh niên, sinh viên học sinh.

Bác cũng muốn nhắc lại một chút ghi nhận về Ban Phát Thanh được phụ trách chuyển tiếp từ Khoá 13 qua Khoá 14; và với Khoá 14, Ban Phát Thanh đã trở thành hoàn chỉnh, mẫu mực. Ban Phát Thanh với nhạc hiệu mở đầu cho chương trình là "Võ Bị Hành Khúc" cũng là một hồi tưởng kỷ niệm đáng được trân trọng. Ban Phát Thanh đó với thành phần SVSQ Khoá 14 được chọn lựa đúng khả năng văn nghệ gồm: Hoàng Điệp (bút hiệu của bác); Lê Như Hùng làm trưởng ban, phụ trách chọn nhạc, viết hoà âm; với các tiếng hát Võ Tín, Tôn Thất Hoàng, Lê Chí Thiện, Lê Hữu Thạnh, Nguyễn Cao Đàm, Trần Đình Giao; phối hợp cùng các giọng ca nữ sinh Đà Lạt như Huyền



Thu, Thuỳ Hương, Thu Hương, Thạch Thảo,...

Trong khi đó, bác Duy Năng Nguyễn Đình Trí, Thê Hoài Trần Hoài Châu phụ trách soạn bản tin, viết bình luận, viết *chapeau* cho các bản nhạc được trình bày, và bác Trần Đức Luận làm xướng ngôn viên...

Ngoài "Võ Bị Hành Khúc", bác cũng có sáng tác thêm một số nhạc khúc nữa như "Lâm Viên Ca", "Mừng Ngày Quốc Khánh", "Về Làng", "Hẹn Ngày Tái Ngộ",... nhưng bác không ưng ý mấy, dù rằng bản "Về Làng" rất được ưa chuộng và được hát nhiều lần trên Đài Phát Thanh Đà Lạt trong chương trình phát thanh của Ban Văn Nghệ Cảnh Sát Quốc Gia Đà Lạt - Tuyên Đức.

Về sau này, khi được về phục vụ tại Sài Gòn, bác có viết cho Trường Quốc Gia Âm Nhạc một số nhạc giáo khoa để các nhạc sinh trường này dùng làm bài thực tập.

Về bút hiệu Hoàng Điệp, dĩ nhiên là có mang một ý nghĩa riêng tư! Bút hiệu này được dùng từ năm 1953, khi bác làm trưởng ban nhạc Sóng Vàng, một ban nhạc học sinh tài tử gồm những giọng ca rất thành danh về sau Minh Đỗ, Thanh Hằng, Ngọc Bảo, Thanh Hiếu,... Ban nhạc Sóng Vàng phụ trách một chương trình văn nghệ 30 phút phát thanh hàng tuần trên làn sóng của đài phát thanh Hà Nội lúc bấy giờ. Trong ban nhạc có Hoàng Điệp là bạn gái của bác, vốn là một tài năng về đàn hạ uy cầm nổi tiếng lúc đó. Tuy



Hình chụp năm 1970: Thiếu Tá Lê Như Hùng và gia đình

nhiên, hoàn cảnh đất nước chia đôi vào tháng 7, năm 1954 đã tạo nên hoàn cảnh kẻ ở người đi. Gia đình bác di cư vào Nam trong khi bác Hoàng Điệp và gia đình đã ở lại Bắc. Bác chọn bút hiệu Hoàng Điệp để nhớ mãi một người bạn gái đã cùng tham gia những buổi văn nghệ thuở đầu đời... (Bác của tôi sao mà lãng mạn quá!)

Bác bây giờ tuổi đã cao, sức khỏe đã yếu nhiều, nhưng bác cũng mong những việc làm của bác (trong suốt một thời gian dài, bác đã từng đảm trách phần vụ Phó Chủ Tịch Hội Cựu Chiến Binh Việt Nam Cộng Hoà Nam California) góp được phần nào cho hoài bão chung của chúng ta trên bước đường luân lạc tha phương là giải thể chế độ cộng sản, quang phục lại quê hương Việt Nam.

Ngồi nghe bác kể lại đầy đủ chi tiết, và nhất là bác cứ nhắc đi nhắc lại với thân phụ tôi là làm sao để các niên đệ khoá đàn em biết về lịch sử của bản nhạc, nhớ đến người cha đẻ của bản nhạc là ai, là bác vui mừng lắm rồi!

Trước khi chào tạm biệt bác, tôi mạo muội hứa với bác là tôi sẽ làm mọi cách để đứa con tinh thần này của bác sẽ không bị phai nhạt hoặc bị quên lãng theo thời gian. Tôi cũng hứa là tôi sẽ ghi lại cuộc nói chuyện thật quý báu hôm nay để truyền lại cho các hậu duệ của trường Võ Bị.

Trên suốt đoạn đường lái xe về nhà, tôi đã lẩm nhẩm hát bài "Võ Bị Hành Khúc" của Hoàng Điệp (Lê Như Hùng). Một ca khúc tuyệt vời từ lời ca đến ý nhạc:



"Ta đoàn sinh viên Võ Bị Việt Nam.

Đồng hát khúc ca quân hành.

Đoàn sinh viên ta xiết chặt dây thân ái

Gieo khắp đó đây những mầm sống vui

Đồng thanh ta ca vui hát lên!

Dù gian nan bao nhiêu khó khăn

Đoàn sinh viên ta luôn tiến lên! Đi lên đi lên! Đi!

Ta đoàn sinh viên hợp đoàn vui sống... Gieo khắp đó đây khúc ca thanh bình..."

Ta đoàn sinh viên một nhà Việt Nam.

Đồng hát khúc ca Thanh Bình.

Đoàn sinh viên ta quyết một lòng vì Nước

Xây đắp non sông nước Việt sáng tươi

Đồng thanh ta ca vui hát lên!

Dù gian nan bao nhiêu khó khăn

Đoàn sinh viên ta luôn tiến lên! Đi lên đi lên! Đi!

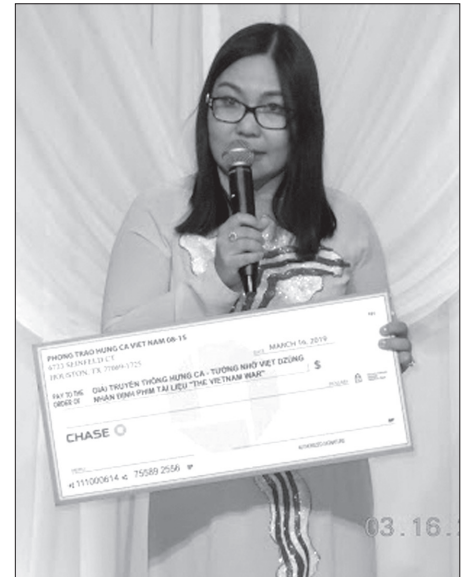
Ta đoàn sinh viên hợp đoàn vui sống

Gieo khắp đó đây khúc ca thanh bình..."

Về sau, các CSVSQ thường chỉ hát lời một, được lặp lại hai lần, nhưng ý nghĩa vẫn đầy đủ ý và dễ nhớ. ■

**CAO XUÂN THANH NGỌC
(CHRISTINA CAO)**

Hậu Duệ K14



MỘT ĐỜI VÕ BỊ

(Tuớng nhớ Trường VBQGVN)

Ba mươi một khóa quân trường mẹ
Võ Bị một đời đã khắc ghi
An lạc dễ dàng không nghĩ tới
Gió mưa nguy hiểm chẳng nề chi

Đứng lên đáp lại lời sông núi
Dâng cả đời trai nguyện với lòng
Chấp nhận hy sinh vì trách nhiệm
Cầu thể không thẹn với non sông

Quyết dẫn quân đi diệt giặc thù
Chiến trường thét lửa xé thâm u
Tả xung hữu đột bao lần thắng
Thế thượng phong lừng khắp chiến khu

Ba mươi một khoá vàng son sử
Hãnh diện đời trai đã xuất thân
Từ mái quân trường danh tiếng đó
Nghìn sau Võ Bị vẫn tinh thân. ■

PHẠM KIM KHÔI

(Cựu SVSQ K19)



THỜI THÈ, THIỆN, ÁC, VÀ ... CON NGƯỜI

VƯƠNG MỘNG LONG

Một ngày cuối tháng Ba năm 1970 Thượng Sĩ Woodell ghé Cư Xá Trần Quý Cáp - Pleiku đón tôi vào Bệnh Viện 71 Dã Chiến Hoa Kỳ để ghi tên xin khám bệnh. Hôm sau, tôi chính thức nhập viện để được giải phẫu vết thương.

Đúng lý ra, hôm đó, tôi phải lên đường về trình diện Tổng Y Viện Cộng Hòa theo quyết định của Bác Sĩ Trung, Giám Đốc Quân Y Viện Pleiku. Chỉ vì sáu tháng trước đây, vết thương trên vai trái của tôi đã được mổ một lần. Lần đó bác sĩ chỉ lấy ra được hai mảnh đạn nhỏ, còn mảnh đạn lớn vì ở quá sâu lại dính với xương vai, nên tôi được xuất viện về đơn vị, chờ ít lâu, sẽ di chuyển xuống vùng sườn trái, khiến cả một vùng cơ bắp sưng tấy, và đang làm độc. Ban Giám Đốc Quân Y Viện Pleiku đã làm thủ tục chuyển tôi về Tổng Y Viện Cộng Hòa vì nơi đây có nhiều phương tiện chữa trị hơn. Tôi về đơn vị trình bày việc này cho trung tá liên đoàn trưởng, lúc đó cũng có mặt ông trung tá cố vấn trưởng liên đoàn. Ông trung tá Hoa Kỳ nêu ý kiến, giới thiệu tôi

vào Bệnh Viện 71 Dã Chiến Hoa Kỳ trước, nếu chữa không xong, họ sẽ chuyển tôi ra Hạm Đội 7.

Bệnh viện 71 Dã Chiến nằm trong một thung lũng, bên cạnh con đường nhựa nối liền phi trường Cù Hanh và Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II. Bệnh viện này là nơi tiếp nhận thương binh Mỹ từ các chiến trường Cao Nguyên Vùng 2 chuyển về. Từ đây thương binh được cấp cứu, điều trị sơ khởi, sau đó tùy theo tình trạng nặng nhẹ, họ sẽ được chuyển về Sài Gòn hay chuyển ra Hạm Đội 7.

Thay quần áo xong, tôi được đưa vào phòng Quang Tuyến X rồi chuyển sang phòng chấn bệnh. Nơi đây đã có mặt một nữ y sĩ trung tá già da đen. Bà y sĩ trung tá này chính là trưởng khoa giải phẫu của Bệnh Viện 71 Dã Chiến. Hình dáng của bà ta thật là cao lớn và thô kệch, nhưng giọng nói của bà lại vô cùng ấm áp dịu dàng. Rất tử tế, bà tự tay đo, và ghi trên hồ sơ, nhịp tim, mạch của tôi. Rồi bà bước ra cửa, nói nhỏ với cô điều dưỡng vài lời. Một phút sau ông đại úy bác sĩ

phụ trách ca mổ của tôi có mặt. Ông y sĩ đại úy này da trắng, cũng hơi lớn tuổi, và mang kiếng trắng. Hai vị thầy thuốc luân phiên quan sát hai tấm hình X Ray, rồi sờ nắn vùng đang sưng tấy bên nách tôi. Khi ngón tay của họ nắn bóp trên chỗ sưng, tôi cảm như nơi đó là một quả xoài đã chín nhũn, chứ chẳng thấy đau đớn gì cả. Công việc chẩn bệnh chấm dứt, tôi ngồi chờ người dẫn sang phòng mổ.

Chợt ngoài bãi đáp có tiếng động cơ của trực thăng tản thương. Hai điều dưỡng viên chạy ra khiêng chiếc cáng, trên đó là một thương binh băng kín nửa người phần dưới. Theo sau chiếc cáng là một sĩ quan Mỹ và một sĩ quan Việt Nam. Người sĩ quan Việt Nam đó là Đại Úy Phạm Văn Tư Khóa 19 Võ Bị, tôi quen biết. Anh Tư là dân Tỉnh Báo, đang tăng phái ngăn ngừa cho ban thẩm vấn đặc biệt của Mỹ tại Hàm Rồng. Thấy bệnh nhân là một người Việt Nam, nên tôi thắc mắc hỏi anh Tư:

- Ủa! Sao Niên Trưởng không đưa người của Niên Trưởng vào Quân Y Viện Pleiku mà lại đưa vào đây?



- Có phải người của “moa” đâu? Việt Cộng đó!

- Việt Cộng à?

- Thằng Việt-Cộng này vương Claymore ngoài rào trại Dak Séang. Mỹ bắt được, đem về Camp Enari, giao cho Phòng 2 Sư Đoàn 4 (Hoa Kỳ).

- Từ Camp Enari về đây có vài ba cây số sao không dùng xe mà phải xử dụng tới trực thăng?

- “Moa” thấy đuôi của anh ta bị quần “ga-rô” sưng to quá, sợ xảy ra nội xuất huyết thì chết, nên đề nghị với Mỹ lấy máy bay của sư đoàn, đưa anh ta về đây.

Nhìn mặt người nằm trên cáng, tôi đoán chừng hẳn cũng cỡ tuổi của tôi và anh Tư thôi.

- Hẳn thuộc đơn vị nào vậy?

- Tụi “moa” vừa ký nhận đã phải đưa tới đây ngay. Chưa hỏi được câu nào.

- Bộ anh ta đi đánh nhau không mang theo giấy tờ gì sao?

- Có chứ! Nhưng tài liệu mình còn để trên bàn. Việc cứu người là trọng, phải lo trước. Chiều nay mình sẽ nghiên cứu tài liệu cũng chưa muộn.

- Ừ nhỉ! Dù gì thì hẳn ta cũng là người Việt Nam, chỉ không cùng chiến tuyến với chúng mình.

- “Toa” biết không? Trên đường đi, hẳn cứ luôn mồm gọi “*Xuân ơi! Xuân ơi!*” Chắc hẳn yêu thương người mang tên Xuân này lắm.

Tôi gật đầu, tán đồng:

- Dù là Quốc Gia hay Cộng Sản, thì con người nào cũng có một trái tim, biết yêu thương, và biết giận hờn.

Một năm trước đây, trong trận Dak Tô (5/1969), tôi đã trải qua tình cảnh tương tự như người cán binh Cộng Sản này. Ngày đó, vào giờ phút tuyệt vọng nhất, trái tim tôi chỉ còn hình bóng người mà tôi yêu

thương nhất. Tôi đã gọi tên người này nhiều lần trước khi bị ngắt đi.

Tên tù binh được chuyển vào phòng X Ray rồi sang phòng chẩn bệnh. Hai Quân Cảnh Hoa Kỳ được gửi tới canh gác trước phòng chẩn bệnh. Đại Úy Tư bắt tay tôi, rồi cùng viên sĩ quan Mỹ rời bệnh viện.

Khi tôi và tên tù binh được đẩy vào phòng giải phẫu thì trên bàn mổ đang diễn ra một ca phẫu thuật khá ồn ào. Một nam bác sĩ cùng hai nữ y tá cố gắng và kiên nhẫn lắm mới lấy được cái đầu đạn đồng AK 47 ra khỏi đuôi trên của một anh lính Hoa Kỳ. Anh lính này da trắng, còn rất trẻ, tuổi chừng mười chín, hai mươi là cùng. Anh chàng bị cột chặt nửa người dưới và hai chân xuống bàn mổ, để tránh dây dụa, gây trở ngại cho bác sĩ.

Chắc việc mổ xẻ làm cho người trẻ tuổi đau đớn lắm, nên anh ta không ngớt khóc lóc, kêu la. Ông bác sĩ và hai cô y tá cứ phải luôn miệng, dỗ dành, an ủi anh. Trước cảnh này tôi cũng thấy tội nghiệp. Mỗi khi hoàn tất một pha mổ, toán phục dịch vệ sinh lại nhanh tay thay cái khăn bàn mới, rồi đẩy vào phòng một khay đựng dụng cụ giải phẫu khác đã tẩy trùng. Ca mổ của anh lính Hoa Kỳ chấm dứt thì tới phiên anh tù binh Cộng Sản. Mỗi bên đuôi của tên tù binh này bị hai viên chì Claymore ghim sâu tới xương. Bác sĩ phải đánh thuốc tê từng chân, mổ lấy đạn chì từ từng vết thương một. Do đó, thời gian hoàn thành công việc này khá dài.

Nhìn những giọt mồ hôi chảy thành dòng trên má hẳn, tôi nghĩ hẳn đang nén cơn đau. Trong suốt nửa giờ đồng hồ, hẳn chỉ rên nhỏ nhỏ trong miệng, trừ hai lần bác sĩ gắp đạn ra khỏi đuôi phải thì y chịu không nổi, buột miệng hét lên:

- Ối! Ối! Đau! Đau quá!... Ừ!... Ừ!... Ừ!... ừ...

Với ca mổ này, cô điều dưỡng da trắng cũng tận tình săn sóc tên Việt Cộng, không khác gì đã làm đối với anh lính Mỹ trong ca mổ trước. Cô dịu dàng lau đi những giọt mồ hôi trên mặt người tù. Dù biết rằng người được chăm sóc không hiểu cô nói gì, nhưng cô cứ dô dành “*Don't worry! Don't worry! You will be okay!*”

Qua cử chỉ dịu dàng và giọng nói êm như ru của cô, không ai dám nghi ngờ rằng cô đang đóng kịch. Bốn viên chì đã được lấy ra rồi. Vết thương cũng được may vá và băng bó xong. Y tá chuyển người tù sang chiếc xe lăn, cạnh chiếc xe lăn của anh lính Mỹ.

Là bệnh nhân cuối cùng, tôi leo lên bàn mổ mà nửa người bên trái nặng như đeo chì. Tôi bị cởi trần, nằm hơi nghiêng về bên trái. Cô y tá vừa lau sạch đám bọt *oxygen* trên vùng sườn trái của tôi, thì ông bác sĩ bắt đầu dùng mười đầu ngón tay ấn nhẹ quanh quanh, thăm dò. Rồi thật từ từ, ông dùng *iode* vàng xoa trên vùng đang mưng mủ, rộng dần ra thành một bề mặt cỡ lòng bàn tay. Ông y sĩ đại úy chích cho tôi ba mũi thuốc tê, rồi huyền thuyên cùng tôi đôi chuyện nắng mưa. Vài phút sau, ông mới bắt đầu ra tay. Dưới tay ông, lưỡi dao sắc như nước, nhanh như chớp, cắt ngọt hai nhát chéo chữ “X” xuyên da, thịt, chạm tới xương sườn của tôi. Sau đó, cứ thủng thính, ông xẻ dọc, rồi xẻ ngang, như người ta đang bằm một cái bánh mềm. Tới khi thịt da trên cái diện tích cỡ lòng bàn tay đó bị bẩy ra rồi, ông bác sĩ mới dùng một lưỡi dao cong như lưỡi hái, mạnh tay cạo từng lọn thịt bằm màu xanh lẫn với máu mủ, cho rơi xuống một cái thau nhôm do cô y tá hứng. Vì nằm nghiêng về bên trái, tôi thấy cái thau nhôm chứa lổn nhổn những



cục thịt pha máu đỏ, mủ xanh, mủ vàng, tanh hôi vô cùng.

Tôi chợt nghĩ, nếu như tôi cứ y y, không chịu nhập viện, chắc chỉ sau một thời gian ngắn nữa thôi, cả vùng sườn bên trái của tôi sẽ thối rữa thành mạch lươn, hết phương cứu chữa. Khi lưỡi dao đục khoét lớp da thịt bên ngoài, tôi chưa thấy đau đớn chút nào, tới lúc lưỡi dao cạo trên xương nghe "Két! Két! Cột! Cột!" thì điếng người. Ngay cả khi ở ngoài mặt trận, bị mảnh đạn ghim vào, tôi cũng không thấy đau như thế này. Toàn thân tôi run lên bần bật như đang cơn sốt rét. Tôi bật người lên, oằn người xuống, đồng bộ với những nhát dao đang cào, nạo xương sườn của tôi. Tôi cắn chặt hai hàm răng vào nhau. Hình như môi dưới của tôi bị răng tôi cắn chảy máu mất rồi? Mồ hôi trên mặt tôi chảy như tắm, rớt ròng ròng trên tấm nhựa trắng trải bàn mổ. Tôi nghĩ, lúc đó có lẽ mặt tôi đã xám xịt như chàm? Nhưng tôi vẫn còn tỉnh táo lắm. Tôi biết, lúc này, có hai người đồng cảnh ngộ, một bạn, một địch, đang chăm chú theo dõi, đánh giá sức chịu đựng của một người lính Việt Nam Cộng Hòa. Một giọt nước mắt, một tiếng kêu la của tôi sẽ nằm trong trí nhớ của họ suốt đời.

Tôi nhắm mắt, nghĩ tới cảnh những thương binh Việt Nam Cộng Hòa khác đã từng lên bàn mổ, bị cưa chân, cưa tay, chắc họ phải chịu đau đớn vạn lần hơn tôi. Tôi tự an ủi rằng, mình còn may mắn hơn những người này rất nhiều...

Rồi tôi hồi tưởng lại truyện Tam Quốc Chí đọc ngày còn bé, với huyền thoại Tướng Quân Quan Vân Trường cứ ung dung ngồi uống rượu, ngâm thơ không màng tới việc Hoa Đà đang xẻ thịt, cạo xương ông để rút mũi tên tẩm thuốc độc đang ghim trên vai ông ta ra. Ngày

xưa làm gì có thuốc tê, thuốc mê? Vậy mà Quan Công không hé chút đau đớn nào, thì ông quả là người có sức chịu đựng phi thường. Càng nghĩ, tôi càng phục vị anh hùng thời Tam Quốc này quá!

Bỗng nhiên bác sĩ ngừng tay dao, đưa tay chụp cái kim. Ông ngoáy mũi kim vào cạnh sườn tôi, kẹp chặt một vật, rồi giựt mạnh! Theo phản xạ, tôi vội oằn mình, uốn người lên, nương theo hướng lôi kéo của mũi kim.

"Buc!" thân mình tôi như bị móc lên cao, rồi rơi xuống mặt bàn. Tôi có cảm giác như vừa bị ông bác sĩ giựt đứt một phần thân thể. Đau thấu xương, đau tới ù tai, hoa mắt luôn! Quá sức chịu đựng, tôi xón đá ra quần mà không hay!

"Here it is!" Ông bác sĩ vừa cười, vừa giơ cái mũi kim cho tôi thấy một cục thịt to bằng đầu ngón tay cái, máu đỏ bầy nhầy. Đó là cái mảnh 82 ly vừa bị gắp ra từ khe hở giữa hai cái xương sườn. Thả cục đạn xuống cái khay trên bàn, ông bác sĩ lại tiếp tục cào nạo. Tay chân tôi bủn rủn không còn hơi sức. Tôi mệt lả người, nằm im như cái xác. Hồi lâu sau, ông bác sĩ ngừng tay, hất hàm ra dấu cho cô điều dưỡng đứng chờ bên tủ thuốc. Hiểu ý, cô điều dưỡng bưng ra, đặt trên bàn một hộp nhựa chứa hai cái lọ. Bác sĩ nhanh tay lau sạch máu trên vết mổ, rồi mở nắp cái lọ, rút ra một sợi bắc tẩm thuốc bột trụ sinh màu vàng như nghệ.

Với cái kẹp inox, ông khéo léo nhét hết hai lọ băng bắc đèn màu nghệ vào đầy vết mổ. Xong xuôi, cô y tá dán miếng vết thương bằng một tấm băng hai lớp chứa bông gòn ở giữa, rộng bằng bàn tay. Bên ngoài miếng băng này, cô còn quấn thêm một lớp băng cứu thương quanh ngực tôi để cho tôi bớt đau. Ông bác sĩ và hai cô y tá đều mang

băng che miệng, tôi không thấy miệng họ cười, mà chỉ thấy mắt họ cười, khi ca mổ vừa hoàn tất.

Những gì xảy ra trong phòng giải phẫu buổi trưa hôm đó đã cho tôi thấy cái ý nghĩa cao quý của ngành Y. Dưới mắt của người thầy thuốc, việc cứu người là mục đích tối thượng. Mạng sống của mỗi con người đều quan trọng như nhau: Dù người đó là bạn hay thù, là da trắng hay da màu, là Cộng Sản hay Quốc Gia.

Cô điều dưỡng vừa đẩy cái khay dụng cụ đi khuất thì bà y sĩ trung tá trưởng khoa bước vào. Bà nói đôi lời với ông bác sĩ, rồi cúi xuống bế tôi gọn trên đôi cánh tay to lớn của bà. Giọng nói của bà bên tai tôi, dịu dàng như giọng của một hiền mẫu:

- Oh! My baby! My baby! You will be okay! My baby...

Anh lính Mỹ và tên cán binh Việt Cộng cũng sững người, trở mắt. Bà bác sĩ bế tôi đi trước, hai cái xe lăn của anh lính Mỹ và tên cán binh Cộng Sản được y tá đẩy theo sau.

Ra tới phòng hồi lực, bà đặt tôi xuống giường rồi lẳng lặng đi ra. Lúc sau bà quay lại, trên tay có gói Salem và cái kẹp diêm cây. Bà để gói thuốc lá và diêm quẹt trên đầu giường tôi, rồi dơ ngón tay trở điểm điểm một vòng, ngụ ý món quà này dành cho cả ba người. Giường tôi nằm ở giữa, bên trái là anh bạn Đồng Minh, bên phải là tên cán binh Cộng Sản. Chỉ có đầu giường tôi bị treo lủng lẳng dây nhợ chuyền nước biển pha thuốc trụ sinh. Còn giường hai bên không bị vướng víu gì, vì họ đã được chích Penicillin rồi.

Tôi đốt một điếu Salem đưa cho anh lính Mỹ. Anh ta lắc đầu, nhỏ nhẹ:

- Thank you!

Tôi đưa điếu thuốc lên môi, kéo một hơi dài, nhả khói. Tôi trao bao thuốc cho tên Việt Cộng:



- Này hút đi! Salem đầu lọc nhẹ lắm!
- Không thèm!

Nhìn tôi với ánh mắt lờ lờ, gờm gờm, hấn ta gằn giọng.

Tôi tỉnh như ruồi:

- Không hút thì thôi! Tớ hút một mình.

- Thuốc của đế quốc, không thèm hút!

- Thông cảm đi! Ở đây không có thuốc lào. Chỉ có thuốc thơm đế quốc thôi. Không hút thì nằm đó mà ngủ khời.

Tới chiều, chúng tôi được cung cấp mỗi người một khay thức ăn, gồm một bánh mì kẹp thịt bò, một hộp sữa tươi, và một chùm nho. Tôi và chú G.I. ăn uống rất ư là tự nhiên, còn tên cán binh Bắc Việt thì nằm quay mặt vào tường không thèm chạm tới cái khay.

Trước khi quay gót đem theo cái khay của tôi, cô điều dưỡng nhìn tên bộ đội một lúc, rồi dịu giọng:

- *Take it! It's good for you!*

Tôi chêm thêm:

- Ăn đi chứ! Không ăn thì chết đói! Muốn gì thì cũng phải sống trước đã! Ăn đi!

Cô y tá nhìn tôi, đồng tình,

- *May you tell him to take it?*

Tôi nghiêm mặt, hù cho anh cán binh sợ thêm:

- Thôi ăn đi! Anh không ăn, cô ấy đẹp mắt thì đói đấy!

Anh chàng hình như cũng đói lắm rồi? Sau một phút ngập ngừng, chàng đưa tay cầm kẹp bánh mì, rồi vội quay mặt vào tường.

Buổi tối, trời trở lạnh, anh lính Mỹ nổi cơn, la hét, chửi bới om xòm. Cô y tá trực phải tới ngồi ở cuối giường, an ủi dỗ dành, rồi đọc truyện cho anh ta nghe. Tôi mời một điếu Salem, đưa cho tên Việt Cộng,

- Hút đi! Không nguy hiểm tới tính mạng đâu mà sợ.

Lần này thì hấn ta không từ chối nữa.

- Ừ! Có thể chứ! Này! Vì sao bị thương và bị "tố" vậy?

Tôi bắt đầu gạ gẫm.

- Đang điều nghiên mục tiêu thì bị vướng mình.

- E mấy?

- Hăm Tám (28)

Tôi đã biết E28 là tên của Trung Đoàn 28 Mặt Trận B3 Cộng Sản Bắc Việt, nên khai thác tiếp:

- Năm ngoái tớ có đụng E28 ở Dak-Tô. Trận đó E28 chết gần hết, cậu còn sống sót là may lắm đó

- Mới bổ sung về E28 hai tháng thôi.

- Cấp chức gì?

- Trung úy Đặc Công.

- Quê ở đâu?

- Hải ... *Ruong*

- Làng nào?

- Hỏi gì mà lắm thế?

- Thôi không hỏi nữa!

Thấy hấn sắp quạu, tôi không thèm nói chuyện thêm. Tôi xoay người lại, nằm ngửa, quay mặt sang anh bạn Đồng Minh. Cậu bé đã ngáy khò khò.

Đêm vào khuya, tôi bị vết mổ hành, chỉ nhắm mắt, chập chờn. Thêm vào đấy, cứ ba tiếng đồng hồ, y tá lại đánh thức tôi dậy, nhét hai viên trụ sinh vào mồm bắt nuốt. Từ sau lần bị thương thứ nhì, cơ thể tôi không thể tiếp nhận Penicillin, nên kỳ này bác sĩ cho tôi uống Erythromycin với liều lượng cao gấp đôi để phòng ngừa vết mổ làm độc.

Hình như tên tù binh có tâm sự, không ngủ được. Chắc anh ta đang suy tính điều gì gay go lắm? Lâu lâu hấn lại mở mền, hé mắt quan sát quanh phòng. Có lúc hấn gượng gạo ngồi dậy thử đứng hai chân trên nền nhà, nhưng thấy không vững, y đành ngồi phịch xuống nệm, thở dài. Mấy lần y mở miệng gọi tôi:

- Này! Này!

Tôi khoát tay ra dấu cho hấn ta im tiếng, đừng làm ồn lúc đêm

khuya. Quá nửa đêm, ba, bốn y tá vào phòng hồi sức, chuyển anh lính Mỹ ra xe, chở đi.

Lợi dụng lúc căn phòng chọn rộn, ồn ào, anh cán binh hỏi nhỏ:

- Các anh có đem tôi đi bắn bỏ không?

Tôi ngạc nhiên

- Cái gì mà bắn bỏ? Ai nói với anh điều đó?

Anh cán binh trả lời với vẻ mặt hoàn toàn thật thà:

- Chính ủy nói mà! Chính ủy nói, nếu để các anh bắt, các anh sẽ đem xử bắn.

Tôi phì cười:

- Ai mà bắn anh làm gì? Tuyên truyền bậy bạ thế mà anh cũng tin!

Anh Việt Cộng ngẩn người, ra chiều suy nghĩ, rồi lẩm bầm "*Chẳng lẽ chính ủy nói sai?*" Tiếng anh ta nhỏ như thể là, anh ta nói, cho chính mình anh ta nghe thôi.

- Này! Có phải Xuân là vợ anh không?

Tôi hỏi dò.

- Đúng! Xuân là vợ tôi đấy! Xuân vừa để đứa con gái đầu lòng thì tôi có lệnh đi B. Không biết kiếp này tôi có còn gặp lại Xuân và bé Ti không?

Nghe tâm sự của anh ta, tôi không khỏi mũi lòng. Hai người ngừng trò chuyện khi cô y tá trở về phòng cho tôi uống thuốc. Ngày kế tiếp, sau bữa ăn sáng, hai Quân Cảnh gác cửa phòng rút đi, Đại Úy Phạm Văn Tư và viên sĩ quan Phòng Nhì Sư Đoàn 4 Hoa Kỳ lại xuất hiện. Anh Tư bắt tay tôi, rồi ngồi xuống cạnh giường bệnh của tên tù Phiến Cộng.

- Hết lo chết rồi nhé! Giờ thì mình đi thôi!

Viên đại úy Mỹ cũng cúi xuống, vỗ vai người tù, xí xỏ vài câu hỏi thăm. Sau đó, hai sĩ quan Việt, Mỹ đỡ tên tù Cộng Sản lên ghế lăn. Tôi đưa bao Salem còn hơn nửa cho tên cán binh.

- Này! Cầm lấy! Tôi cũng người Hải Dương...



Anh trung úy Việt Cộng rứt rề cầm bao thuốc lá nhét vào túi. Rồi, anh ta nắm lấy bàn tay phải của tôi, lắc lắc vài cái:

- Các anh đã cứu mạng tôi. Người ta nói rằng các anh độc ác lắm. Nhưng thật ra ... các anh có độc ác đâu?

Lúc này ánh mắt anh ta không còn vẻ gờm gờm, hằn học nữa. Tôi cửa phòng, anh ta dơ tay vẫy tôi lần cuối.

Tối trưa, tôi được truyền thêm một bịch nước biển pha trụ sinh rồi rời bệnh viện lúc hai giờ chiều, theo chế độ điều trị ngoại trú.

Bà bác sĩ trưởng khoa dúm vào tay tôi cái bao nylon, trong đó chứa cục đạn bằng gang màu đen đã được chùi rửa sạch.

"Don't throw it away! Keep it for memory!" Bà dặn dò.

Bà không bắt tay tôi, mà xoay lưng đi về văn phòng.

"Take care! Good bye! My son!"

Phút chia tay, hình như bà tránh nhìn tôi, giọng nói của bà run run.

Khi đỡ tôi lên xe, cô y tá mới nói nhỏ vào tai tôi: *"Her son was a Ranger like you!"*

Hai ngày sau tôi trở lại bệnh viện để thay băng thì cô y tá quen báo cho tôi biết rằng bà y sĩ trung tá trưởng khoa vừa lên đường về nước vì bà đã mãn nhiệm kỳ phục vụ ở Việt Nam.

Nhớ tới bà, lòng tôi chợt dâng lên một cảm giác lâng lâng, ngọt ngào.

Thế là bà đã về quê! Bà đã xa rời chốn hiểm nguy. Bà sẽ về đoàn tụ với người con trai của bà; anh ấy cũng là một "Ranger" như tôi. Bà cũng giống mẹ tôi: những lúc xa con, thấy anh lính nào cỡ tuổi con mình, cũng thấy thương, như là thương con mình

Cuối tháng 9 năm 1974 Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân xuống

Đức Lập tăng cường cho Tiểu-Khu Quảng-Đức để tham dự cuộc hành quân khai thông Liên Tỉnh Lộ 8 B. Thiếu Tá Phạm Văn Tư (lúc này là Trưởng Phòng 2 Tiểu Khu) lại gặp tôi lần nữa. Nhớ chuyện năm nào ở Bệnh Viện 71 Dã Chiến, tôi hỏi anh Tư:

- Ngày đó, vì có gì mà anh cứu thằng trung úy Đặc Công Việt Cộng?

- Đạo lý làm người mà Long! "Moa" cứu hấn, chỉ vì hấn sắp chết. Vả lại, hấn đâu phải là kẻ thù của chúng ta? Hấn chỉ là kẻ địch của chúng ta thôi.

Tôi biểu đồng tình:

- Đúng! Kẻ thù là người có ân oán với mình. Những tên cán binh đang đánh nhau với mình thì có thù oán gì với mình đâu?

Tôi hỏi tiếp:

- Sau này anh có còn gặp lại y không?
- Không. Vì khai thác xong thì tụi này chuyển giao anh ta cho Phòng Nhì Quân-Đoàn II ngay. Giữ lâu làm gì?

Tôi nhắc anh Tư:

- Anh có nhớ chuyện thằng "Vi Xi" đó cứ gọi tên Xuân lúc hôn mê không? Và anh có biết Xuân là ai không?

- "Moa" không hỏi, mà cũng quên khuấy chuyện này rồi.

- Xuân là tên vợ hấn. Đưa con gái hấn vừa chào đời, thì hấn có lệnh vào Nam.

Nghe vậy, anh Tư bèn đưa bàn tay phải lên ngang ngực, dơ ngón trở ra nhíp nhíp:

- Ừ há! Chắc ngày trao đổi tù binh năm 1973 hấn đã về đoàn tụ với gia đình ngoài Bắc rồi.

Tôi chợt nhớ, tên cán binh ấy là người Hải Dương, nên buột miệng.

- Thằng đó là người cùng quê với tôi đấy.

Anh Tư gật gù:

- Có khi hai người là bà con cũng nên?

Tôi cũng gật gù theo.

- Biết đâu chừng lại là anh em, họ hàng. Tôi có một bà dì và hai ông bác còn ở ngoài Bắc. Nếu như hấn là con của những người này, thì quả là "cốt nhục tương tàn".

Anh Tư phụ họa:

- Những thằng địch đang cầm súng chỉ là nạn nhân bị tụi đầu sỏ cầm quyền lợi dụng máu xương thôi. Mấy thằng Cộng Sản "cội" đang ăn trên ngồi trốc ở ngoài Hà Nội mới là nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh "nồi da xáo thịt" này. Tụi đó mới chính là kẻ thù của chúng mình

Đầu năm 1976, nghĩa là đúng sáu năm, sau ngày Đại Ủy Phạm Văn Tư áp giải viên trung úy Đặc Công Việt-Cộng tới Bệnh Viện 71 Dã Chiến Hoa -Kỳ thì tôi và anh Tư đã thành hai trong số vài trăm tù nhân cấp thiếu tá của khu K 3 trại Tam Hiệp, Biên Hòa.

Thời kỳ này, giờ khắc trôi từ từ như đang đợi chờ ngày bầu cử Quốc Hội nước Việt Nam Thống Nhất. Chúng tôi còn ở trong Nam, chưa bị đưa ra Bắc, chưa bị cưỡng bách làm các công tác lao động nặng.

Riêng anh Phạm Văn Tư và người cùng Khóa 19 Võ Bị của anh là Trần Văn Bé được trại tuyển dụng làm thợ đóng bàn ghế trên ban chỉ huy. Tám giờ sáng, vệ binh vào mở cổng, dẫn hai anh đi làm công tác. Năm giờ chiều, hai anh tự động trở về K3, không có ai dẫn độ. Anh Trần Văn Bé là người ở cùng Đại Đội B với tôi trong Trường Võ Bị thời sinh viên sĩ quan. Anh Bé cũng là người đã huấn luyện tôi những ngày đầu đời lính, nên chúng tôi không lạ gì nhau. Chiều chiều, anh Tư và anh Bé thường rủ tôi tới Lán 2, nơi có cái bàn gỗ của thi sĩ Trương Minh Dũng để hút thuốc lào và tán gẫu. Anh Trương Minh Dũng là bạn cùng Khóa 5 Thủ Đức với Trung Tá Hoàng



Kim Thanh, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân. Tôi đã gặp anh Dũng vài lần khi chúng tôi mới tới tăng phái cho tỉnh Quảng Đức (9/1974). Lúc đó anh Dũng đang giữ chức vụ Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu này. Bây giờ thì ông thi sĩ Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu ngày xưa đã mang biệt danh rất hợp thời là “Dũng Điếu Cày”.

Anh Tư biết tôi ghét thuốc lào, nên mỗi ngày anh đều vấn cho tôi vài miếng thuốc rê Cẩm Lệ. Buổi trưa một ngày tháng 2 năm 1976, có tiếng súng liên thanh nổ ròn rã một tràng dài ngoài hàng rào. Tiếng súng ngừng lại vài giây, rồi tiếp tục, nhưng lơi đi, từng phát một, như ai đó đang thực tập bắn bia. Trên con đường nhựa bao quanh các khu cách ly, vệ binh chạy rầm rập nối đuôi nhau. Chúng vừa lên đạn “*lách cách!*” vừa gọi nhau ới ới:

- Báo động! Báo động! Tù trốn! Tù trốn!

Cổng chính của tất cả các khu giam giữ tù cải tạo liền bị đóng kín, khóa lại. Chòi gác nào cũng đầy lính canh, súng chĩa vào sân. Tù nhón nhác nhìn nhau ngỡ ngác. Rồi cửa hông được mở cho hai vệ binh ghìm súng AK đi vào K3 để kiểm tra. Tù cải tạo bị đuổi về lán. Vệ binh vào từng nhà, đếm đầu, nhận mặt từng người, với sự xác nhận của lán trưởng. Kiểm tra xong, trong sân trại sinh hoạt đã trở lại, nhưng không còn cái không khí ồn ào náo nhiệt thường ngày. Tù cải tạo vẫn tùm năm, tùm ba, nhưng không phải để đánh cờ, chơi bóng chuyền, hay tập thể dục dưỡng sinh, mà để rì rầm với nhau về chuyện mới xảy ra lúc buổi trưa. Chẳng ai biết vị sĩ quan nào của Việt Nam Cộng Hòa đã mạo hiểm làm nên sự kiện này. Trong sân trại, tiếng chim se se nói chuyện với nhau nhiều hơn là tiếng người ta.

Khoảng hai giờ chiều, loa phóng thanh trên chòi cao ra lệnh cho các lán trưởng lên văn phòng nhận lệnh. Khi trở về, lán trưởng Lán 24 của tôi là Thiếu Tá Trần Thành Trai tập hợp tất cả lán viên, rồi tuyên bố: *“Trưa nay có hai cải tạo viên trốn trại. Tên Phạm Văn Tư bị bắt lại. Tên Trần Văn Bé còn tại đào. Các anh đừng hoang mang, nghe lời dụ dỗ của bọn phản động mà trốn trại, sẽ mang họa vào thân.”*

Chẳng rõ câu tuyên bố này là do Lán Trưởng Trần Thành Trai ứng khẩu, hay anh ta đã sao y nguyên bản lời của cán bộ? Tôi ra sân bóng chuyền tìm gặp vài người quen để hỏi thăm tin tức của hai người đàn anh Khóa 19. Một anh lán trưởng tiết lộ: Khi anh ta lên họp trên ban chỉ huy trại thì nghe vệ binh nói với nhau rằng anh Phạm Văn Tư bị bắn trọng thương, nhưng vẫn còn bị bỏ nằm trong hàng rào kẽm gai, vì khu vực đó có mìn nên vệ binh không chịu chui vào lòi anh Tư ra.

Xế chiều, anh bạn Bắc Hải ngoác tôi ra góc sân thì thăm:

- Anh Bé thoát rồi! Còn anh Tư thì bị bắn nát bấy cả hai đùi và hai cánh tay. Người bắn anh Tư là “Thượng Sĩ Buồn” đó! Anh Tư thiệt là số xui. Thằng Thượng Sĩ Buồn đi đá, gặp ngay lúc anh Tư đang bị kẽm gai móc vào lưng áo, cách cầu tiêu có vài thước thôi. Nó chạy vào lấy khẩu AK 47 nhắm hông và đùi của anh Tư, bắn hết một băng đạn ba mươi viên. Rồi nó rập băng đạn thứ nhì, tì súng trên hàng rào, cứ nhắm tay, chân của anh Tư mà tiếp tục bóp cò từng viên một, cho tới viên cuối cùng. Chân tay anh Tư đã nát bấy, nên anh ấy chỉ còn nước nằm kêu la đau đớn chờ chết. Mãi tới ba giờ chiều chúng nó mới cho gọi mấy anh cải tạo viên bên K1 chui vào hàng rào, lòi anh Tư ra. Họ khiêng anh Tư về bệnh xá,

thằng thiếu úy trưởng trại không cho băng bó, nó còn bắn thêm ba, bốn phát K 54 vào bụng anh Tư, rồi bắt khiêng anh Tư bỏ trên miếng ván nằm trong cái nhà kho cũ của trại. Anh Tư khát quá, xin uống nước, anh em đi lấy nước cho anh, thì thằng Thượng Sĩ Buồn ngăn lại, không cho uống. Sau đó, nó đuổi mấy anh ấy về lán.

Nói xong, Hải buột miệng chửi thề:
- Đù Má! Cái thằng Thượng Sĩ Buồn này độc ác dữ!

“Thượng Sĩ Buồn” là biệt danh của tên Việt Cộng quản giáo K3. Tên này tuổi dưới ba mươi, mặt mày sáng sủa như một thư sinh. Không rõ tên thật của hắn là gì, nhưng anh em trong trại thường gọi hắn là “Thượng Sĩ Buồn”. Mà cũng đúng! Lúc nào mặt y cũng phảng phất nét u sầu, như đang mang tâm sự không vui, như đang nhớ thương ai. Tôi nhớ hồi còn ở bên K1, ông “Ba Gà Mổ”, tức ông lán trưởng Thiếu Tá Nguyễn Văn Lộc, đã từng chỉ cho tôi thấy mặt một cán bộ Việt Cộng “hiền hết xẩy” nhân dịp tôi theo ông Lộc lên khiêng gạo trên văn phòng trại. Ông “Ba Gà Mổ” có vẻ biết rành rề tên cán binh này lắm:

- Anh quản giáo này quê ở mãi ngoài Bắc Thái lặn! Ảnh mới vào Nam sau “ngày giải phóng”. Ảnh hiền hết xẩy! Cuối năm 1975 tôi được chuyển từ K1 sang K3. Khi thấy người phụ trách K3 chính là anh cán bộ “hiền hết xẩy” tôi cũng mừng.

Sáng sáng, Thượng Sĩ Buồn đứng nơi góc trại nhìn các anh tù tập thể dục dưỡng sinh. Chiều chiều, Thượng Sĩ Buồn rảo quanh trại đôi lần, thủng thủng tản bộ trên con đường mòn sát hàng rào. Lâu lâu hắn dừng chân ân cần hỏi thăm sức khỏe của những tù nhân đang tùm năm, tùm ba đánh cờ tướng hay đang bàn chuyện gẫu. Hắn rất sốt sắng liên lạc với cán



bộ hậu cần giúp mua hàng cho anh em trong trại, mỗi khi được nhờ. Nói chung, hẳn ta được lòng nhiều người. Không ai nghi ngờ lòng tốt của hẳn cả.

Có một vị tù cải tạo nào đó đã “phịa” ra cái lý lịch đầy màu sắc tiểu thuyết của Thượng Sĩ Buồn, rồi chuyền tai nhau: Nào là, hẳn ta vốn là sinh viên đại học Y Khoa, ly khai vào “bung” nhân Tết Mậu Thân, ngày trở lại Sài Gòn thì người yêu đã lấy chồng! Hoặc, cho hẳn là con nhà địa chủ, cha mẹ chết hết trong thời cải cách ruộng đất, vì thế hẳn ... buồn!

Chiều hôm đó Thượng Sĩ Buồn vẫn thủng thẳng tản bộ trên con đường mòn quanh trại. Nhưng không có người tù cải tạo nào dám nhìn anh ta cả. Vì ai cũng biết rằng, anh ta chính là người đã lạnh lùng bóp cò, nhắm bắn từng viên AK 47 trên thân thể một người cùng màu da, cùng nguồn cội với anh ta. Giờ đây, anh ta đã lộ rõ nguyên hình một tên cuồng sát máu lạnh núp đằng sau một khuôn mặt điển trai. Cũng từ hôm sau, cho tới ngày tôi lên tàu ra Bắc (tháng 7/1976), tôi không còn trông thấy Thượng Sĩ Buồn xuất hiện trong vòng rào K3 nữa. Hình như hẳn được chuyển sang phụ trách khu K4?

Tối đó tôi mở ba-lô, véo một cục từ bánh thuốc rê đầy ắp mà anh Phạm Văn Tư đã đưa cho tôi chiều hôm trước. Tay tôi vân vê những sợi thuốc, trí óc tôi hiện lên khuôn mặt vừa nghiêm trang, vừa buồn rầu của người Niên Trưởng. Lúc đưa “rê” thuốc cho tôi, giọng anh thực từ tốn, nhưng vô cùng dứt khoát, anh nói:

- Từ mai, “moa” bỏ thuốc! “Toa” cầm nguyên bánh Cẩm Lệ này về, rồi tự tay vẫn lấy mà hút! “Moa”

chán cái việc suốt ngày ngồi vẫn vẫn, vè vè này ròi! Chẳng làm nên tích sự gì cả!

Chuyện xảy ra trưa nay, đã cho tôi hiểu rằng, thực sự, người đàn anh của tôi đâu đã chán thuốc rê? Anh cho tôi cả bánh Cẩm Lệ còn mới toanh, và tuyên bố “bỏ thuốc”, chỉ vì anh phải bắt đầu một cuộc phiêu lưu ít người dám làm: Trốn trại! Thật vậy, có ít người dám làm điều này lắm! Chỉ vì, trốn trại chẳng phải chuyện đùa! Mà trốn trại, chính là đem sinh mạng của mình ra đánh đổi lấy Tự Do.

Hai ông đàn anh của tôi đều là dân Tình Báo, do đó, dù thân thiết cách mấy, tôi cũng không hay biết mảy may mưu đồ của hai ông.

Tôi cũng chợt nhận ra một điều trái khoáy, oái oăm, đó là chuyện ngày xưa Đại Úy Phạm Văn Tư vì “Đạo Làm Người” mà cứu mạng một tên Việt Cộng sắp chết vì nội xuất huyết trên những vết thương ở đùi. Rồi chỉ sáu năm sau, người tù cải tạo Phạm Văn Tư lại bị những tên Việt Cộng khác bắn nát tứ chi, không băng bó, vứt trong xô nhà, để mặc cho máu chảy tới cạn kiệt. Không có ai làm “ga-rô” cho anh; không ai lưu tâm tới chuyện hai đùi, hai tay anh đang bị nội xuất huyết, hay ngoại xuất huyết cả; chắc chắn anh sẽ chết dần với nỗi đau đớn tột cùng. Cảnh này cũng thật là trái ngược với hình ảnh cô y tá Hoa Kỳ tận tâm chăm sóc một tù binh bị thương, không cùng màu da và ngôn ngữ với cô, vừa luôn miệng dỗ dành: “Don't worry! Don't worry! You will be okay!”

Ngày xưa, khi nhân loại còn dã man, có chuyện người chiến thắng đã đem địch quân ra tòng xẻo, hoặc trói kẻ thù lại, cột dây cho ngựa kéo lê tới chết.

Ngày nay, dù thế giới đã đổi thay, nhưng cung cách đối xử với người dưới ngựa của Việt Cộng cũng không văn minh hơn chút nào.

Tôi đang suy nghĩ miên man, thì anh bạn Nguyễn Phong Cảnh lộ đầu vào cửa sổ ngoắc tay:

- Lẹ lên! Lẹ lên!

Vừa chui lọt thân mình qua cái cửa sổ, tôi đã bị anh Cảnh lôi đi như chạy giặc. Cảnh dẫn tôi men theo bờ rào, đi về hướng nhà bếp, tới góc cuối của K3, cách cái chòi gác hai lớp kềm gai. Lúc đó trên chòi không có lính canh. Hai đứa ngồi núp mình, nghe ngóng. Từ căn nhà tôn bên kia, cách tôi bốn lớp kềm gai và hai khoảng đất trống, rõ ràng là tiếng la rú đau đớn của anh Tư đang vọng ra:

- Ối!... Ối!... Ối!... ôi!... ôi!... ôi!... ư... ư...

Tiếng la rú lạnh lạnh, đứt quãng, quần quai, từng đợt rợn người, của một sinh vật sắp chết đã phá vỡ cái yên tĩnh của một vùng không gian vào lúc trời chạng vạng. Chắc chắn trong suốt cuộc chiến tranh hai mươi năm vừa qua, khó có thương binh nào phải lâm vào tình trạng đau đớn khủng khiếp như tình trạng hiện thời của người thất trận Phạm Văn Tư.

Tôi nghĩ rằng, nếu có gom góp hết những đau đớn mà tôi đã từng trải, qua ba lần bị thương, cũng chẳng thấm gì với cái đau mà người đàn anh của tôi đang gánh chịu giờ phút này.

Bạn cùng lán của tôi, Thiếu Tá Nguyễn Phong Cảnh, là một sĩ quan thuần túy tham mưu, không quen với cảnh máu đổ, thịt rơi ngoài trận tiền, nên chỉ qua vài phút chứng kiến cảnh thương tâm này, anh Cảnh đã chịu đựng không nổi. Anh òa lên khóc tức tưởi, rồi ù



té chạy về hướng sân bóng chuyền. Tôi vẫn ngồi sát bờ rào, theo dõi tiếp. Tiếng rú hạ thấp xuống thành tiếng rên, "Hừ!... Hừ!... hừ! ...hừ!..." Rồi hình như trong khi rên, anh Tư đã ú ớ gọi tên ai đó: "Hừ!... Hừ!... Hừ!... Hường. .. oi!... Hư ... ờng... oi!... Ưc!... Ưc!... ực!..."

Cuối cùng, chen lẫn với những tiếng nấc, bên kia rào chỉ còn những tiếng "Ư! Ư!... Ư! Ư!... Ư! ử!..." nhỏ dần.

(Mấy chục năm sau, mỗi khi nhớ lại chuyện này, hai mắt tôi vẫn thấy nóng lên và mờ đi, tim tôi vẫn còn chùng xuống như một con tàu vỡ, đang bị nước tràn vào, đang tròng trành chìm dần xuống đáy biển khơi.)

Mấy phút sau, hình như anh Tư đã kiệt sức, không rên được nữa. Thấy không nghe thêm được gì, tôi đành lăm lăm trở về nhà giam. Trong khu K3, ngoại trừ những hôm có văn nghệ hay chiếu phim, thì sau 8 giờ tối, cổng khóa, không còn vệ binh đi tuần tra trong vòng rào nữa.

Và cũng từ khi có keng báo ngủ (9 giờ tối) thì trên chòi canh, vệ binh bắt đầu các phiên gác đôi. Từ khi tắt đèn cho tới khuya, lâu lâu tiếng gào thét, la hét của anh Tư lại theo gió vọng về. Có lẽ tới gần hai giờ sáng mới hoàn toàn không còn tiếng rú đau đớn của anh Tư nữa.

Suốt đêm đó tôi cứ giả đờ mắt tiểu, lâu lâu lại đi ra sát bờ rào nghe ngóng. Cũng đêm hôm đó, hình như có nhiều người trong khu K3 cùng mang tâm trạng như tôi. Trong số này, ngoài Nguyễn Lành, Tạ Mạnh Huy và Ngô Văn Niếu ra, còn vài anh Võ Bị bên Lán 17. Họ cũng thay phiên nhau ra hàng rào ... đứng một lúc, nghe ngóng ... rồi đi vào.

Chúng tôi như chim cùng đàn, một con bị bắn chết, những con

khác chỉ biết bay lòng vòng trên cao, cất tiếng kêu thương. Mờ sáng ngày kế tiếp, có sáu anh tù cải tạo được gọi lên văn phòng để đi chôn xác anh Tư.

Tuần sau, anh Trần Văn Bé bị Việt Cộng bắt trở lại, và đem về nhốt trong *connex* đặt trên ban chỉ huy trại. Cùng thời gian này, một anh tù trốn trại khác cũng bị giải về đây nhốt chung với anh Bé. Anh bạn này là Đại Úy Biệt Động Quân Phạm Hữu Thịnh. Anh Thịnh đã cùng anh Thiếu Tá Quách Hồng Quang, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 44 Biệt Động Quân chui rào, tìm cách thoát đi từ Trại Hóc Môn. Anh Quang bị vệ binh bắn chết ngay tại hàng rào, còn anh Thịnh thì bị bắt khi vừa chui ra khỏi lán. Anh Quách Hồng Quang là bạn cùng đơn vị với tôi thời chúng tôi còn là đại đội trưởng ở Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân. Còn anh Thịnh lại là dân cùng ngành Tình Báo với anh Tư và anh Bé.

Giữa tháng 4 năm 1976, anh Bé và anh Thịnh bị đưa ra tòa án của trại để xử tội. Hôm đó là một ngày nắng gắt. Khoảng hơn 10 giờ sáng, khi loa phóng thanh truyền về trại âm thanh của những loạt đạn AK kết thúc mạng sống của hai người thua trận, thì trời đang nắng bỗng tối sầm, một cơn giông kéo tới, bụi đất mù mịt. Tiếp theo, là một trận mưa rào xối xả, sầm sập trên mái tôn. Nước mưa vừa bốc thành hơi ngùn ngụt, vừa tuôn xuống đất ào ào. Nhưng chỉ vài phút sau, đột ngột, mưa ngừng. Cảnh vật lại trở về tình trạng cũ.

Hiện tượng khác thường này khiến người ta liên tưởng tới sự hiện diện của Đấng Vô Hình ở trên cao, đang theo dõi các hoạt động của con người dưới trần gian. Có phải cái chết oan ức của hai vị sĩ

quan Việt Cộng Hòa đã động tới lòng Trời khiến Trời phải nổi cơn giông phần nộ hay không? Tôi thì tin tưởng rằng, lúc cơn giông nổi lên, chính là lúc Thượng Đế đưa bàn tay thương yêu của Người ra, để dắt dìu linh hồn các bạn tôi tới bến bờ Tự Do.

Từ phút đó cho tới chiều tối, trong sân tập hợp của khu K3, tù cải tạo lại tụ nhau từng nhóm, thì thầm đọc kinh cầu nguyện. Những anh tù đại diện có mặt trong phiên tòa, khi về trại, đã kể lại, việc chôn cất hai người bại trận cũng diễn ra rất gọn, vì một ngày trước khi có phiên tòa này, thì hai cái huyết để chôn người bị xử tử đã được ban chỉ huy trại cho người đào sẵn sàng rồi. Vậy là, chỉ trong một thời gian ngắn ngủi sau khi mất nước, bốn người bạn của tôi đã phải trả giá cho Tự Do bằng chính sinh mạng của họ.

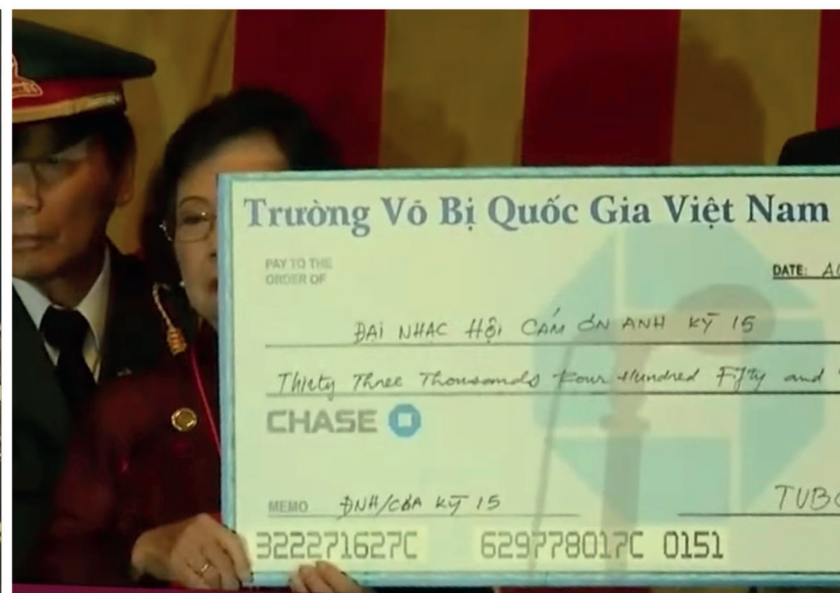
Sau ngày Ba Mươi tháng Tư năm 1975, thời thế đã đổi thay. Cái Thiện đã nhường chỗ cho cái Ác. Tự Do, Bác Ái, Công Bằng chỉ còn là kỷ niệm. ■

VƯƠNG MỘNG LONG

(Cựu SVSQ K20)



TỔNG HỘI VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM TRAO TIỀN ỦNG HỘ CHO HỘI H. O. CỨU TRỢ TPB & QP VNCH



TRONG ĐẠI NHẠC HỘI «CẢM ƠN ANH» KỶ 15 TỔ CHỨC TẠI NAM CALIFORNIA NGÀY 7 THÁNG 8, 2022